TÒA PHÚC THẨM **TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2025/HSPT
Ngày: 11/8/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đinh Phước Hòa**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Kiên**

Ông **Lê Văn Thường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Thế Vinh**, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm trực tiếp công khai vụ án hình sự thụ lý số 235/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo Ngô Thị H về tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*". Do có kháng cáo của các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Nguyễn Thị Quỳnh N (tên gọi khác: T), sinh ngày 20/11/1993 tại Quảng Trị; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: kinh doanh tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; trú tại Khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị); có chồng Trương Quang L (là bị can trong vụ án này); có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/8/2022 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q**.** Có mặt

2. Ngô Thị H, sinh ngày 19/11/1974 tại tỉnh Quảng Trị (cũ là tỉnh Quảng Bình); nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu phố F, phường N, tỉnh Quảng Trị (cũ là

Khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị); Nơi ở hiện tại: Kiệt C đường T, Khu phố F, phường N, tỉnh Quảng Trị (cũ là Kiệt C đường T, Khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: giáo viên mầm non; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quốc D, sinh năm 1948 và bà Trần Thị T1, sinh năm 1966; có chồng Phạm Văn T2, sinh năm 1972; có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 27/12/2023 đến nay. Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:

1. Bà Hồ Thị O, sinh năm 1994 và ông Lê Vinh H1, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ F, khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Tổ 6, khu phố C, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Có mặt

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Hồ Thị O *và ông* Lê Vinh H1*:* luật sư Hoàng Đỗ Thanh N1, Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: A M, phường H, thành phố Đà Nẵng (cũ là 17 Mẹ T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1958; địa chỉ: Khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Vắng mặt

3. Ông Lê Quang P, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố D, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị). Có mặt

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông Lê Quang P*:* luật sư Đặng Văn L1 - Văn phòng L5, Đoàn Luật sư tỉnh Q. Có mặt

- Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N**:** theo sự phân công của Đoàn luật sư tỉnh Q không có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Thị Quỳnh N **và** Trương Quang L**:**

Từ năm 2019, Nguyễn Thị Quỳnh N đưa ra thông tin vay tiền đáo hạn ngân hàng và hứa trả lãi suất cao để vay tiền của nhiều người. Sau khi nhận được tiền vay, N sử dụng, cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất. Nhưng do lợi nhuận mang lại không đủ để trả tiền lãi nên N tiếp tục vay của các bị hại và sử dụng khoản tiền vay sau trả tiền gốc, tiền lãi cho các khoản vay trước. Thời gian đầu, N trả tiền gốc và tiền lãi cho người vay theo đúng thời hạn như đã thỏa thuận, nên làm cho nhiều người khác tin tưởng và cho N vay tiền. Quá trình N vay tiền của các bị hại, Trương Quang L (là chồng của N) không biết rõ và cụ thể của ai, lãi suất như thế nào, chỉ nghe N nói vay tiền để làm đáo hạn ngân hàng và cho vay lại hưởng chênh lệch lãi suất nhưng không can ngăn mà còn giúp sức cho N nhận tiền từ những bị hại chuyển vào tài khoản của L và ngược lại. Đến tháng 10/2021, do dư nợ các khoản vay ngày càng lớn, bản thân N không có nguồn thu nhập nào khác, nên không còn khả năng trả nợ. Để có tiền trả các khoản vay đã đến hạn, N và L đã bàn bạc thống nhất tiếp tục vay tiền của người khác để lấy tiền trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến cuối tháng 02/2022, do không vay được

thêm tiền để trả nợ, nên những người cho vay đã tố giác hành vi chiếm đoạt tài sản của L và N. Sau khi hành vi của mình bị phát hiện, N có nhiều hành vi gian dối để che dấu hành vi phạm tội và đối phó với Cơ quan chức năng như: Nhắn tin cho Trương Quang L, Trương Như C hướng dẫn L và C khai báo gian dối với Cơ quan Công an về mục đích sử dụng tiền vay. Ngoài ra, khoảng tháng 5 năm 2022, N có nhờ chị Trương Thị L2 (bị hại trong vụ án) viết khống hợp đồng đặt cọc đề ngày 21/01/2022, mua thửa đất số 06, tờ bản đồ số 09, địa chỉ tại H N, Khu phố E, Phường B, thị xã Q nhằm mục đích để N chứng minh số tiền chiếm đoạt được của nhiều người phục vụ cho việc mua đất. Thực tế không có việc mua bán thửa đất này và đây cũng là thủ đoạn của Nguyễn Thị Quỳnh N trong quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của các bị hại trong vụ án. Biết hành vi của mình đã bị phát hiện, ngày 30/6/2022, N và L đã đến đầu thú tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình, cụ thể như sau:

1.1. Chiếm đoạt 15.300.000.000 đồng của chị Văn Thị Kim N2 *(Sinh năm 1989, trú tại* khu phố A, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là khu phố A, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ đầu năm 2019, Nguyễn Thị Quỳnh N đưa ra thông tin đáo hạn ngân hàng để nhiều lần vay tiền của chị N2, thời hạn vay không quá 01 tháng và tiền lãi tùy từng khoản vay. Trong thời gian vay, hai bên có chốt nợ và lập hai Hợp đồng mượn tiền (*ngày 19/02/2021, số tiền 10 tỷ đồng và ngày 08/3/2021, số tiền 07 tỷ đồng*), N và Trương Quang L ký vào bên vay tiền. Từ ngày 06/10/2021 đến 23/12/2021, chị N2 đã chuyển khoản tiền vay vào tài khoản số 048999999999 của L 16 lần, tổng số tiền 12.250.500.000 đồng. Đến tháng 02/2022, N và L còn nợ chị N2 tổng số tiền vay là 15,3 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền vay được chủ yếu trả nợ gốc và lãi cho các khoản vay của người khác, ngoài ra còn sử dụng chi tiêu cá nhân *(không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ.

Quá trình điều tra, chị Văn Thị Kim N2 giao nộp:

- 01 bản gốc hợp đồng mượn tiền đề ngày 19/02/2021 giữa bên cho vay là bà N2 và bên vay là vợ chồng L, N; số tiền vay là 10 tỷ đồng chẵn;

- 01 bản gốc hợp đồng mượn tiền đề ngày 08/3/2021 giữa bên cho vay là bà N2 và bên vay là vợ chồng L, N; số tiền vay là 07 tỷ đồng chẵn; (Bút lục số 270-537, 6589-6620, 6622-6706).

1.2. Chiếm đoạt 6.510.000.000 đồng của chị Đặng Thị L3 *(Sinh năm 1978, trú tại* Khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ tháng 9/2020, N đưa ra thông tin là cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất, đáo hạn ngân hàng để nhiều lần vay tiền của chị L3, thời hạn vay không quá 01 tháng và tiền lãi tùy từng khoản vay. Trong thời gian vay, hai bên có chốt nợ và lập Hợp đồng mượn tiền (*ghi ngày 27/10/2021*), N và Trương Quang L ký vào bên vay tiền. Đến đầu tháng 02/2022, N còn nợ chị L3 số tiền vay là 6.510.000.000 đồng. Khoản tiền vay này, N sử dụng chủ yếu trả nợ gốc và lãi cho các khoản vay của người khác, ngoài ra còn sử dụng chi tiêu cá nhân *(không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn

đến không có khả năng trả nợ.

Quá trình điều tra, chị Đặng Thị L3 giao nộp: 01 bản gốc Hợp đồng mượn tiền đề ngày 27/10/2021, giữa bên cho vay vợ chồng chị L3 và bên vay là vợ chồng L, N, số tiền vay là 6.510.000.000 đồng (Bút lục số 270 -500, 6831,6835 - 6896).

1.3. Chiếm đoạt 4.520.000.000 đồng của bà Đặng Thị Lệ D1 *(Sinh năm 1968, trú tại* Khu phố B, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố B, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ đầu năm 2019, N đưa ra thông tin là cho người khác vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất, đáo hạn ngân hàng để nhiều lần vay tiền của chị D1, thời hạn vay và tiền lãi tùy từng khoản vay. Đến cuối năm 2021, N còn nợ của chị D1 tổng số tiền vay là 4.520.000.000 đồng. Khoản tiền vay này, N sử dụng chủ yếu vào việc trả nợ vay của người khác, ngoài ra còn sử dụng chi tiêu cánhân (*không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ.

Quá trình điều tra, chị D1 giao nộp:

- Bản gốc Giấy vay tiền ngày 24/10/2021 giữa bên cho vay là bà Đặng Thị Lệ D1 và bên vay là bà Nguyễn Thị Quỳnh N, số tiền vay là 15,5 tỷ đồng.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 11/3/2020, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, diện tích 196,0 m^2, đất ở tại đô thị, thời hạn sử dụng lâu dài, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N và Trương Quang L (Bút lục số 6819-6896).

1.4. Chiếm đoạt 1,1 tỷ đồng của chị Nguyễn Thị H2 *(Sinh năm 1972, trú tại:* Khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Ngày 11 và 14/02/2022, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng để vay của chị H2 tổng số tiền là 1,1 tỷ đồng (*Ngày 11/02/2022 vay 700 triệu đồng và ngày 14/02/2022 vay 400 triệu đồng*), thời hạn vay từ 07 đến 10 ngày, hai bên chưa thỏa thuận về lãi suất. Sau khi nhận được tiền vay, N sử dụng để trả tiền cầm cố xe ô tô, trả nợ vay của người khác, thuê xe ô tô và chi tiêu cá nhân và gia đình (*không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục số 270-500, 7074,7082-7122).

1.5. Chiếm đoạt 510.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hoa P1 *(Sinh năm 1993, trú tại:* Khu phố B, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố B, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ năm 2019, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng để nhiều lần vay tiền của chị P1, thời hạn vay từ 01 ngày đến 03 ngày tùy từng khoản vay. Trong đó, ngày 02/12/2021, chị P1 chuyển tiền vay vào tài khoản của L 03 lần, tổng số tiền 910 triệu đồng. Đến đầu tháng 02/2022, N với L còn nợ chị P1 số tiền là 510 triệu đồng, chị P1 nhiều lần liên lạc để đòi lại tiền nhưng đến nay N vẫn chưa trả cho chị P1. Khoản tiền vay này, N sử dụng chủ yếu vào việc trả nợ vay của người khác, ngoài ra còn sử dụng chi tiêu cá nhân (*không xác định số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục

số 7124,7125, 7128-7198).

1.6. Chiếm đoạt 500.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thanh L4 *(Sinh năm 1993, trú tại* Khu phố D, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố D, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ giữa năm 2021, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng để nhiều lần vay tiền của chị L4, thời hạn vay từ 01 ngày đến 03 ngày tùy từng khoản vay. Trong đó, từ ngày 23/11/2021 đến 28/12/2021, chị L4 chuyển khoản tiền vay vào tài khoản số 048999999999 của L 10 lần, tổng số tiền 223.700.000 đồng. Đến cuối tháng 02/2022, N với L còn nợ chị L4 số tiền là 500 triệu đồng, chị L4 nhiều lần liên lạc để đòi lại tiền nhưng đến nay N vẫn chưa trả. Khoản tiền vay này, N sử dụng chủ yếu vào việc trả nợ gốc và lãi cho những người N đã vay. Ngoài ra, còn sử dụng chi tiêu cá nhân (*không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục số 270-500, 7199-7257).

1.7. Chiếm đoạt 3.900.000.000 đồng của chị Trương Thị L2 *(sinh năm 1985, trú tại* Khu V, phường A, thành phố H *(cũ là Khu vực 3,* phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế*)):*

Từ năm 2019, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng, kinh doanh bất động sản để nhiều lần vay tiền của chị L2, thời hạn vay không quá 10 ngày và tiền lãi tùy từng khoản vay. Từ ngày 12/10/2021 đến ngày 01/11/2021, chị L2 chuyển khoản tiền vay vào tài khoản của liêm 07 lần, tổng số tiền 1,8 tỷ đồng. Đến khoảng tháng 01/2022, N và L còn nợ của chị L2 số tiền vay là 3.900.000.000 đồng. Khoản tiền vay này, N và L sử dụng để trả trả nợ gốc và lãi đã vay của người khác và chi tiêu cá nhân (*không xác định cụ thể số tiền đã trả cho ai, với số tiền là bao nhiêu)*, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục số 270-500, 7259-7311).

1.8. Chiếm đoạt 1.280.000.000 đồng của anh Võ Hoàng Lê N3 *(sinh năm 1987, trú tại* Khu phố C, Phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ tháng 8/2020, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng để nhiều lần vay tiền của anh N3. Từ ngày 17/12/2020 đến 12/10/2021, anh N3 chuyển khoản tiền vay vào tài khoản số 048999999999 của L 04 lần, tổng số tiền 694.000.000 đồng. Đến ngày 27/01/2022, N và L còn nợ anh N3 số tiền vay là 1.280.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay này, N và L sử dụng để trả nợ cho những người đã vay trước đó, nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục số 7312-7348).

1.9. Chiếm đoạt 12.120.000.000 đồng của anh Mai Thiên T3 *(Sinh năm 1979, trú tại* Khu phố C, Phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, Phường B, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ tháng 01/2021, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng, kinh doanh buôn bán đất để nhiều lần vay tiền của anh T3, thời hạn và tiền lãi hai bên tự thỏa thuận tùy từng khoản vay. Trong đó, ngày 25/01/2021, anh T3 chuyển khoản tiền vay vào tài khoản số 048999999999 của L 01 lần, tổng số tiền 229.901.033 đồng. Đến ngày 19/01/2022, N và L còn nợ anh T3 số tiền vay là 12.120.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền vay này, N chủ yếu để trả nợ cho nhiều người khác và chi tiêu cá nhân (*nhưng không xác định đã sử dụng số tiền cụ*

thể), nên dẫn đến không có khả năng trả nợ (Bút lục số 7353,7470-7516).

1.10. Chiếm đoạt 04 tỷ đồng của ông Phạm Văn T2 **và bà** Ngô Thị H *(Trú tại* Khu phố F, phường N, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị*)):*

Từ tháng 11/2021, sau khi bàn bạc thống nhất với L, N đưa ra thông tin đáo hạn Ngân hàng và kinh doanh mua bán đất để nhiều lần vay tiền của vợ chồng ông T2, thời hạn vay không quá 10 ngày và lãi suất hai bên thỏa thuận. Ngày 28/01/2022, vợ chồng N đến nhà vợ chồng ông T2 để chốt lại số tiền vay, N trực tiếp viết 01 giấy mượn tiền, với số tiền vay là 04 tỷ đồng, cả hai vợ chồng N cùng ký tên và điểm chỉ vào bên mượn tiền.

Sau khi nhận tiền vay, N sử dụng chủ yếu để trả nợ cho những người Nhi đã vay, một phần để mua đất và chi tiêu cá nhân.

Để xác nhận tiền vay, ngày 15/02/2022, vợ chồng ông T2 cùng vợ chồng N đến Văn phòng C1 tỉnh Quảng Trị để lập Hợp đồng vay tiền xác nhận vợ chồng N còn nợ vợ chồng ông T2 là 04 tỷ đồng, đồng thời, N có để lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 423157 của bà Nguyễn Thị X (mẹ N) để làm tin.

Quá trình điều tra, ông Phạm Văn T2 giao nộp:

- 01 bản sao và 01 bản gốc Giấy mượn tiền ngày 28/01/2022, nội dung Trương Quang L và Nguyễn Thị Quỳnh N có mượn của Phạm Văn T2 số tiền 4.000.000.000 đồng;

- 01 bản sao và 01 bản gốc hợp đồng vay tiền đề ngày 15/02/2022 có chứng thực của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Q;

- 01 bản sao và 01 bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sỡ hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BL 423157 đối với hộ bà Nguyễn Thị X, năm sinh 1958, số CMND: 197274548, địa chỉ: phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị, do UBND thị xã Q cấp ngày 13/5/2013 (Bút lục số 270-537, 6899 - 7006).

1.11. Chiếm đoạt 3.560.000.000 đồng của ông Phan Hồng S **và bà** Nguyễn Thị Hương T4 *(trú tại* khu phố C, phường Q, tỉnh Quảng Trị (cũ là Khu phố C, phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị*)):*

Lần thứ nhất: Từ tháng 8/2020, N nhiều lần trực tiếp gặp và điện thoại vợ chồng ông S vay tiền để kinh doanh và cho vợ chồng ông S xem một số tài sản của gia đình mình. Thấy vợ chồng N sở hữu nhiều tài sản có giá trị, nên vợ chồng ông S tin tưởng đồng ý cho N vay tiền nhiều lần, dao động từ 100 triệu đồng đến 700 triệu đồng, lãi suất theo thỏa thuận. Đến chiều ngày 26/7/2021, vợ chồng N đến nhà gặp vợ chồng ông S để lập hợp đồng chốt lại toàn bộ số tiền đã vay là 1,2 tỷ đồng, N và L cùng ký vào mục bên mượn tiền. Toàn bộ số tiền vay này, N sử dụng để trả nợ cho nhiều người khác và cho một cá nhân khác vay lại để hưởng lãi chênh lệch.

Lần thứ hai: Sau khi bàn bạc thống nhất, ngày 14 và 17/01/2022, L liên tục gọi điện thoại cho ông S đề nghị tiếp tục cho vợ chồng L vay thêm tiền để kinh doanh. Ngày 19/01/2022, sau khi ông S thông báo cho L biết đã có tiền, vợ chồng L đến nhà ông S để vay tiền, N viết giấy mượn tiền, với số tiền vay là 1,9 tỷ đồng, cam kết trả vào ngày 27/01/2022, có chữ ký xác nhận của vợ chồng L,

N tại mục bên mượn tiền, bà T4 đưa 1,9 tỷ đồng tiền mặt cho vợ chồng L. Cùng ngày, L nộp toàn bộ số tiền trên vào tài khoản của N và N đã trả nợ cho ông Mai Thiên T3, bà Nguyễn Thị Hoa P1, Ngô Thị H và Trịnh Thị Thúy K.

Lần thứ ba: Ngày 20 và 21/01/2022, cả hai vợ chồng L gọi điện trao đổi với vợ chồng ông S hỏi vay thêm tiền để kinh doanh. Ngày 22/01/2022, ông S thông báo với vợ chồng L đã có tiền, nên vợ chồng L đến đường L, thành phố Đ (gần cầu vượt) gặp ông S để vay tiền. Tại đây, ông S cho vợ chồng L vay số tiền 500 triệu đồng, thời hạn vay 03 ngày, bà T4 trực tiếp đưa tiền mặt cho vợ chồng L. Toàn bộ số tiền vay này, N sử dụng để trả nợ cho những người Nhi đã vay trước đó. Sau khi vợ chồng ông S đòi nợ, thì vợ chồng L trả cho vợ chồng ông S 40 triệu đồng.

Tổng số tiền ba lần vợ chồng N, L vay tiền của vợ chồng ông S là 3.560.000.000 đồng. Vợ chồng ông S nhiều lần đòi nợ, nhưng vợ chồng N, L không có khả năng trả nợ (Bút lục số 270-537, 7007 -7072).

Quá trình điều tra, ông Phan Hồng S giao nộp:

- 01 bản gốc Hợp đồng mượn tiền lập ngày 26/7/2021, bên cho mượn là ông Phan Hồng S, bên mượn ông Trương Quang L và bà Nguyễn Thị Quỳnh N, với số tiền là 1,2 tỷ đồng;

- 01 bản gốc Giấy mượn tiền lập ngày 19/01/2022, bên mượn bà Nguyễn Thị Quỳnh N, bên cho mượn là ông Phan Hồng S, số tiền 1,9 tỷ đồng.

2. Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Hành vi của Ngô Thị H.

Từ ngày 30/11/2021 đến ngày 29/01/2022, H sử dụng vốn ban đầu là 3.700.000.000 đồng cho N vay, sau đó cho vay quay vòng nhiều lần, với tổng số tiền giao dịch cho vay là 18 tỷ đồng, lãi suất vay dao động từ 109,50%/năm đến 146%/năm (cao hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015), tổng số tiền lãi đã nhận là 421.200.000 đồng, H thu lợi bất chính 359.939.726 đồng và N đã trả đủ tiền gốc cho vay, cụ thể:

Lần 1: Ngày 30/11/2021, N vay 02 tỷ đồng, thời gian vay 04 ngày, tiền lãi là 24.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 4.383.562 đồng, H thu lợi bất 19.616.438 đồng.

Lần 2: Ngày 10/12/2021, N vay 02 tỷ đồng, thời gian vay 08 ngày, tiền lãi là 48.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 8.767.123 đồng, H thu lợi bất chính 39.232.877 đồng.

Lần 1 và 2, N vay lãi suất 109,50%/năm (3000 đồng/ triệu/ ngày).

Lần 3: Ngày 17/12/2021, N vay 600 triệu đồng, thời gian vay 05 ngày, tiền lãi là 10.000.000 đồng (lãi suất 121,67%/năm). Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.643.836 đồng, H thu lợi bất chính 8.365.164 đồng.

Lần 4: Ngày 22/12/2021, N vay 1.3 tỷ đồng, thời gian vay 9 ngày, tiền lãi 46.800.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 6.410.959 đồng, H thu lợi bất chính 40.389.041 đồng.

Lần 5: Ngày 28/12/2021, N vay 300 triệu đồng, thời gian vay 3 ngày, tiền lãi 3.600.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 493.151 đồng, H thu lợi bất chính 3.106.849 đồng.

Lần 6: Ngày 29/12/2021, N vay 1.3 tỷ đồng, thời gian vay 09 ngày, tiền lãi

là 46.800.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 6.410.959 đồng, H thu lợi bất chính 40.389.041 đồng.

Lần 7: Ngày 31/12/2021, N vay 500 triệu đồng, thời gian vay 7 ngày, tiền lãi 14.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.917.808 đồng, H thu lợi bất chính 12.082.192 đồng.

Lần 8: Ngày 07/01/2022, N vay 1.5 tỷ đồng, thời gian vay 02 ngày, tiền lãi 12.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 1.643.836 đồng, H thu lợi bất chính 10.356.164 đồng.

Lần 9: Ngày 08/01/2022, N vay 200 triệu đồng, thời gian vay 02 ngày, tiền lãi 1.600.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 219.178 đồng, H thu lợi bất chính 1.380.822 đồng.

Lần 10: Ngày 06/01/2022, N vay 1.8 tỷ đồng, thời gian vay 07 ngày, tiền lãi là 50.400.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 6.904.110 đồng, H thu lợi bất chính 43.495.890 đồng.

Lần 11: Ngày 09/01/2022, N vay 500 triệu đồng, thời gian vay 08 ngày, tiền lãi là 16.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.191.781 đồng, H thu lợi bất chính 13.808.219 đồng.

Lần 12: Ngày 10/01/2022, N vay 400 triệu đồng, thời gian vay 03 ngày, tiền lãi 4.800.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 219.178 đồng, H thu lợi bất chính 4.142.466 đồng.

Lần 13: Ngày 10/01/2022, N vay 01 tỷ đồng, thời gian vay 07 ngày, tiền lãi 28.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.835.616 đồng, H thu lợi bất chính 24.164.384 đồng.

Lần 14: Ngày 10/01/2022, N vay 800 triệu đồng, thời gian vay 09 ngày, tiền lãi 28.800.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 3.835.616 đồng, H thu lợi bất chính 24.164.384 đồng.

Lần 15: Ngày 12/01/2022, N vay 01 tỷ đồng, thời gian vay 09 ngày, tiền lãi 36.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 4.931.507 đồng, H thu lợi bất chính 31.068.493 đồng.

Lần 16: Ngày 17/01/2022, N vay 1.5 tỷ đồng, thời gian vay 05 ngày, tiền lãi là 30.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 4.109.589 đồng, H thu lợi bất chính 25.890.411 đồng.

Lần 17: Ngày 18/01/2022, N vay 200 triệu đồng, thời gian vay 03 ngày, tiền lãi là 2.400.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 328.767 đồng, H thu lợi bất chính 2.071.233 đồng.

Lần 18: Ngày 22/01/2022, N vay 1.5 tỷ đồng, thời gian vay 03 ngày, tiền lãi là 18.000.000 đồng. Sau khi trừ lãi suất theo quy định (20%/năm) là 2.465.763 đồng, H thu lợi bất chính 15.534.247 đồng.

Từ lần 04 đến 18, N vay lãi suất 146.0% /năm (4000 đồng/ triệu/ngày) (BL: 8776-8830).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

"1. Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N*, phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".*

2. Về hình phạt

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N tù chung thân; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/8/2022.

...

4. Về xử lý vật chứng:

....

** Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự tuyên vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau:*

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 11/3/2020, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 3, diện tích 196m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905665 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 11/3/2020, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 200,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 157490 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 05/12/2019, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 3, diện tích 181,0m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736448 do Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp ngày 10/4/2013, thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4, diện tích 73,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2022 được công chứng tại Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã Q (số C, quyển số 01/2022 – SCT/HĐ.GD) giữa bên chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Quang P đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736448 do Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp ngày 10/4/2013, thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4, diện tích 73,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, khôi phục lại quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N như tình trạng ban đầu theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án.

- Tạm dừng giao dịch, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 129, 130, 131, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị và thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị để đảm bảo thi hành án (giấy CQNSD đất số CT 905666 có tại hồ sơ vụ án).

5. Về biện pháp tư pháp:

Căn cứ Điều 46, các điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 5 Nghị quyết số 01 ngày 20/12/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, truy thu, nộp ngân sách nhà nước tiền gốc mà các bị cáo dùng để cho vay và số tiền lãi theo quy định, tiền thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước, cụ thể:

...

**** Truy thu đối với khoản tiền bị cáo** Ngô Thị H **dùng cho vay:***

- Truy thu, nộp ngân sách nhà nước 18.000.000.000 đồng tiền gốc mà bị cáo Ngô Thị H dùng để cho Nguyễn Thị Quỳnh N vay.

- Buộc bị cáo Ngô Thị H phải nộp lại số tiền 61.260.726 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Ngô Thị H phải nộp lại số tiền 359.939.726 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước."

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/4/2025, bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cả hai vợ chồng đều bị xét xử trong cùng vụ án với mức hình phạt nặng. Hoàn cảnh gia đình có ba con nhỏ, xin giảm nhẹ hình phạt để nuôi con. Đối với tài sản là nhà đất trên các thửa đất số 129, 130, 131 và nhà đất trên thửa đất 474 là do bị cáo vay mượn từ nhiều nguồn khác nhau. Do đó, Toà án xác định khối tài sản trên do phạm mà tội mà có là không đúng. Đề nghị Toà án cấp trên xem xét.

Ngày 15/4/2025, bị cáo Ngô Thị H kháng cáo đối với phần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 18.000.000.000 đồng là không đúng. Vì thực tế số tiền bị cáo H dùng cho vay chỉ có 3.700.000.000 đồng và tiền lãi nhận được chỉ 300.000.000 đồng. Đề nghị Toà án cấp trên xem xét.

Ngày 14/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Hồ Thị O và ông Lê Vinh H1 kháng cáo một phần bản án liên quan đến quyền,

nghĩa vụ của ông H1, bà O đối với các thửa đất 130, 131 và thửa đất 474. Vì cho rằng, ông H1 và bà O nhận chuyển nhượng các thửa đất theo quy định pháp luật, theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Trị và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 58/QĐ-CCTHADS ngày 16/3/2022 nhưng Toà án tuyên vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của ông bà. Đối với thửa đất 129, các bên đã ký hợp đồng chuyển nhượng đang làm thủ tục tại bộ phận một cửa thì bị bà Đặng Thị Lệ D1 giật sổ đỏ giao nộp cho cơ quan Công an. Toà án tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất 129 là không có căn cứ, ông H1 và bà O nhận chuyển nhượng thông qua thoả thuận thi hành án. Việc nhận tài sản thông qua thi hành bản án dân sự là ngay tình, hợp pháp. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không tuyên hợp đồng chuyển nhượng đối với các thửa đất 129, 130, 131 và thửa đất 474 vô hiệu, huỷ bỏ toàn bộ các biện pháp ngăn chặn, giao lại toàn bộ quyền sử dụng đất đối với 04 thửa đất trên cho ông H1, bà O.

Ngày 15, 17/4/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị X kháng cáo đối với phần tài sản là nhà ở trên các thửa đất 129, 130, 131. Vì cho rằng bà X có cho vợ chồng bị cáo vay 1,5 tỷ đồng và góp vào 1.000.000.000 đồng để xây dựng nhà, sau khi thi hành án tịch thu nhà thì đề nghị trả lại cho bà X số tiền nêu trên.

Ngày 12/5/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang P, là người nhận chuyển nhượng thửa đất số 474 từ ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O kháng cáo, đề nghị áp dụng cho ông là người thứ ba ngay tình, giữ nguyên quyền sử dụng của ông đối với thửa đất 474. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm Hủy phần dân sự trong bản án sơ thẩm liên quan đến việc tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, ngày 04/8/2025, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao nhận được "*Đơn rút kháng cáo*" đề ngày 31/7/2025 của bà Ngô Thị H với nội dung xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo.

Bị cáo bị truy tố xét xử theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự, Tòa án cấp phúc thẩm có văn bản yêu cầu Đoàn luật sư tỉnh Q chỉ định Luật sư để bào chữa cho bị cáo, nhưng tại phiên tòa luật sư vắng mặt, bị cáo Quỳnh N đề nghị Tòa án tiếp tục xét xử, không cần luật sư bào chữa cho mình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N xin rút yêu cầu kháng cáo về phần hình phạt vì thấy mức hình phạt là phù hợp, giữ yêu cầu kháng cáo về phần dân sự. Bà Hồ Thị O và ông Lê Vinh H1 và ông Lê Quang P giữ yêu cầu kháng cáo.

Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị X vắng mặt nhưng nội dung kháng cáo của bị cáo N có liên quan đến kháng cáo của bà X nên Hội đồng xét xử vẫn xem xét nội dung kháng cáo của bà X.

Luật sư Hoàng Đỗ Thanh N1: Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc hình thành tài sản, bà O nhận tài sản từ bị cáo là hoàn toàn hợp pháp thông qua quyết định của Tòa án và Cơ quan thi hành án.

Luật sư Đặng Văn L1: Ông P là người thứ 3 ngay tình, bản án sơ thẩm

cũng xác định ông P là ngay tình, giao dịch của ông P cũng đã hoàn thành.

Quan điểm của đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng: Quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ngô Thị H và đình chỉ xem xét nội dung kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N. Đối với 04 tài sản là thửa đất số 129, 130, 131, 474 thì những tài sản này bị cáo Quỳnh N dùng tiền phạm tội để nhận chuyển nhượng nên Tòa án cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu nhưng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của những bị hại. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Quỳnh N và những người liên quan có kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, trình bày của bị cáo, đương sự, luật sư.

[1] Theo bản án hình sự sơ thẩm và tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai người bị hại, tang vật thu giữ, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có đủ cơ sở xác định: Từ năm 2019 đến năm 2022, Nguyễn Thị Quỳnh N đưa ra nhiều thông tin gian dối như: Đáo hạn ngân hàng, kinh doanh bất động sản, cho vay hưởng chênh lệch lãi suất làm cho các bà Đặng Thị L3, bà Văn Thị Kim N2, bà Nguyễn Thị Hoa P1, bà Nguyễn Thị Thanh L4, bà Nguyễn Thị H2, bà Trương Thị L2, bà Đặng Thị Lệ D1, các ông Võ Hoàng Lê N3, ông Mai Thiên T3, vợ chồng ông Phạm Văn T2, bà Ngô Thị H và vợ chồng ông Phan Hồng S, bà Nguyễn Thị Hương T4 tin tưởng, nên nhiều lần cho vay tiền. Trương Quang L biết N đưa ra các thông tin gian dối để vay tiền của các bị hại, nhưng không can ngăn, mà còn giúp cho N nhận và chuyển tiền thông qua tài khoản Ngân hàng của mình số 048999999999 với tổng số tiền là 53.300.000.000.000 đồng (năm mười ba tỷ ba trăm triệu đồng). Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo về tài sản là nhà đất trên các thửa đất số 129, 130, 131 và nhà đất trên thửa đất 474.

Thấy những thửa đất này được vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, Trương Quang L xác lập quyền sở hữu, sử dụng từ 05/12/2019 đến ngày 13/12/2021, thời điểm này bị cáo Quỳnh N đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên không thể có khả năng để tạo lập khối tài sản nhà đất trên.

Tại "*Biên bản hỏi cung bị can*" ngày 18/7/2023, bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N đã khai "*Vợ chồng tôi mua các thửa đất số 129, 130 vào ngày 21/02/2020 với giá 02 tỷ đồng...Số tiền này có được do tôi vay của nhiều người khác...Thửa đất số 131 được vợ chồng tôi mua vào ngày 18/5/2020 với giá 700 triệu đồng. Số tiền dùng để mua thửa đất này do tôi vay mượn của nhiều người khác nhưng không nhớ vay mượn của những người nào...Đối với nhà trên thửa đất 474, tờ bản đồ số 4, diện tích 73,5m^2...được vợ chồng tôi mua vào ngày 01/12/2021 với số tiền 1,9 tỷ đồng của ông Trần Hoài V1. Nguồn gốc số tiền để mua khối tài*

sản là do tôi vay của bà Ngô Thị H *số tiền 02 tỷ đồng...*" (bl 336).

Như vậy có cơ sở xác định bị cáo Quỳnh N đã dùng số tiền đã chiếm đoạt của những bị hại để nhận chuyển nhượng 04 lô đất số 129, 130, 131, 474. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định "*Như vậy cả 4 thửa đất đều hình thành từ nguồn tiền do các bị cáo phạm tội mà có. Nên xác định tài sản nói trên đều có nguồn gốc bất hợp pháp. Các bị cáo đem tài sản bất hợp pháp để giao dịch thì các giao dịch này đều bị vô hiệu*" để từ đó tuyên hủy những hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng bị cáo với ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O và tạm dừng giao dịch chuyển nhượng những lô đất nêu trên để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V, bà O, ông P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O, ông Lê Quang P.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị X: Bà X cho rằng có cho bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N vay 1,5 tỷ để làm ăn và góp 01 tỷ để xây nhà.

Xét thấy: mặc dù phía bà X và vợ chồng bị cáo Quỳnh N, Trương Quang L đều cùng thừa nhận, tài liệu để chứng minh việc vay mượn là 02 giấy ghi nợ và hợp đồng góp vốn. Tuy nhiên, giấy ghi nợ và hợp đồng góp vốn không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận nên không thể xem xét trong vụ án này. Bà X có quyền khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, Trương Quang L trả lại số tiền nêu trên, sau khi có bản án, quyết định có hiệu lực của Tòa án thì số tiền bà X sẽ được giải quyết trong quá trình thi hành án dân sự đối với 04 thửa đất số 129, 130, 131, 474

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, bà Ngô Thị H, bà Hồ Thị O, ông Lê Vinh H1, bà Nguyễn Thị X và ông Lê Quang P phải chịu án phí theo quy định.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, đ khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Đình chỉ việc xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Ngô Thị H, kháng cáo về phần hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị O, ông Lê Vinh H1, bà Nguyễn Thị X, ông Lê Quang P. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 08/4/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 39 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh Nhi T5 **Chung thân** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/8/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 122, Điều 123 Bộ luật Dân sự tuyên vô hiệu các hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau:

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 11/3/2020, thửa đất số 129, tờ bản đồ số 3, diện tích 196m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 905665 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 11/3/2020, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 3, diện tích 200,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 157490 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 05/12/2019, thửa đất số 131, tờ bản đồ số 3, diện tích 181,0m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/4/2022 được công chứng tại Văn phòng C2 (số C, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD) giữa bên chuyển nhượng Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736448 do Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp ngày 10/4/2013, thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4, diện tích 73,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/5/2022 được công chứng tại Ủy ban nhân dân Phường C3, thị xã Q (số C, quyển số 01/2022 – SCT/HĐ.GD) giữa bên chuyển nhượng ông Lê Vinh H1, bà Hồ Thị O với bên nhận chuyển nhượng ông Lê Quang P đối với quyền sử dụng đất sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 736448 do Ủy ban nhân dân thị xã Q cấp ngày 10/4/2013, thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4, diện tích 73,5m^2; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị.

- Đề nghị các cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, khôi phục lại quyền sử dụng đất đã cấp đứng tên Trương Quang L, Nguyễn Thị Quỳnh N như

tình trạng ban đầu theo quy định của pháp luật để đảm bảo thi hành án.

- Tạm dừng giao dịch, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 129, 130, 131, tờ bản đồ số 3; địa chỉ thửa đất: Khu phố D, Phường A, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị và thửa đất số 474, tờ bản đồ số 4; địa chỉ thửa đất: Khu phố E, Phường C, thị xã Q, tỉnh Quảng Trị để đảm bảo thi hành án (giấy CQNSD đất số CT 905666 có tại hồ sơ vụ án).

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12 /2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

3. Về án phí phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị Quỳnh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Hồ Thị O, ông Lê Vinh H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ một phần 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000287 ngày 13/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000288 ngày 13/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Ông Lê Quang P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000286 ngày 13/5/2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

4. Các quyết định khác còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngay tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm VKSNDTC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các bị cáo, bị hại (theo địa chỉ);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Phước Hòa